

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP HOÀNG CẦU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP HOÀNG CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109684580

**3. Ngày thành lập:** 28/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 43, Biệt thự 3, Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904220068

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: - Dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo, các chương trình thể thao, văn hoá, ca nhạc (không bao gồm các chương trình Nhà nước cấm); - Kinh doanh khu vui chơi giải trí: golf, tennis, bóng bàn, cầu lông, bóng rổ, bóng chuyền, bi a, hồ bơi và các loại hình vui chơi giải trí khác; | 8230(Chính) |
| 2.  | Hoạt động của các cơ sở thể thao<br>Chi tiết: Hoạt động của các sân golf                                                                                                                                                                                                                                                                  | 9311        |
| 3.  | Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao<br>Chi tiết: Hoạt động của các câu lạc bộ chơi golf                                                                                                                                                                                                                                                 | 9312        |
| 4.  | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7721        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                                                                                        | 4649        |
| 6.  | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>Chi tiết: Cho thuê quần áo, giày dép, dụng cụ, trang thiết bị thể dục, thể thao.                                                                                                                                                                                                             | 7729        |
| 7.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5610        |
| 8.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5621        |
| 9.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5629        |
| 10. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5630        |
| 11. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5510        |
| 12. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310        |
| 13. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8551        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan<br>Chi tiết: Trồng cây, chăm sóc và duy trì sân thể thao, sân chơi và công viên giải trí khác (sân thể thao, sân chơi, bãi cỏ phơi nắng, sân golf).                                                                                                                                                                   | 8130 |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Chi tiết: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ;<br>- Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;<br>- Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;<br>- Lai dắt, cứu hộ đường bộ. | 5225 |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4931 |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô;                                                                                                                                                                                                            | 4932 |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4933 |
| 19. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Trừ kinh doanh kho bãi)                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5210 |
| 20. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5224 |
| 21. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7710 |
| 22. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1010 |
| 23. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1020 |
| 24. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1030 |
| 25. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4632 |
| 26. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4633 |
| 27. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4634 |
| 28. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4690 |
| 29. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                        | 4711 |
| 30. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4719 |
| 31. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4722 |
| 32. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4723 |
| 33. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4724 |
| 34. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ dịch vụ liên quan đến vận tải hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                          | 5229 |

**6. Vốn điều lệ:** 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.000.000**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                              | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỒNG VĂN HUYỀN  | Tổ dân phố số 1, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông         | 600.000    | 6.000.000.000         | 20,000    | 027081000008                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                     | Tổng số                   | 600.000    | 6.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                     |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN TIỂU | Số 33 ngách 56 ngõ 192 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 750.000    | 7.500.000.000         | 25,000    | 027074000438                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                     | Tổng số                   | 750.000    | 7.500.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                     |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |             |                                                                                       |                           |           |                |        |              |
|---|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 3 | PHẠM VĂN BÁ | Số 28 Ngõ 231 Phố Tân Mai, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.650.000 | 16.500.000.000 | 55,000 | 034069005553 |
|   |             |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |             |                                                                                       | Tổng số                   | 1.650.000 | 16.500.000.000 | 55,000 |              |
|   |             |                                                                                       |                           |           |                |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM VĂN BÁ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/07/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034069005553

Ngày cấp: 22/06/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 28 Ngõ 231 Phố Tân Mai, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 28 Ngõ 231 Phố Tân Mai, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội